

KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT TRONG *HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP*• Phạm Phi Na^(*)**Tóm tắt**

“*Hồng Đức quốc âm thi tập*” là tập thơ tiêu biểu của Hội Tao Đàn do vua Lê Thánh Tông khởi xướng. Bên cạnh các yếu tố khác, không gian nghệ thuật cũng là đặc điểm nghệ thuật khá đặc sắc của tập thơ. Bài viết tập trung nghiên cứu các nội dung cơ bản: khảo sát, phân loại các loại không gian và đánh giá hiệu quả nghệ thuật của các loại không gian đó trong tập thơ.

Từ khóa: *Hồng Đức quốc âm thi tập*, không gian nghệ thuật, không gian vũ trụ, không gian làng quê.

1. Đặt vấn đề

Hồng Đức quốc âm thi tập là tập thơ quốc âm thứ hai (sau Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi) xuất hiện ở nửa cuối thế kỷ XV. Tập thơ có nét đặc sắc như nghệ thuật sử dụng điển cố, chất khẩu khí đậm phong vị quan phương và đặc biệt là thời gian và không gian nghệ thuật. Với dung lượng hạn hẹp của một bài báo khoa học chúng tôi xin nghiên cứu đặc điểm không gian nghệ thuật trong tập thơ này.

2. Khái niệm không gian nghệ thuật

Khi đề cập đến không gian nghệ thuật trong tác phẩm, các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều khái niệm khác nhau như:

Trong *Thi pháp học hiện đại*, Trần Đình Sử cho rằng: “Không gian nghệ thuật là một phạm trù của hình thức nghệ thuật, là phương thức tồn tại và triển khai của thế giới nghệ thuật” [5, tr. 42].

Trong *Thi pháp thơ Tố Hữu*, Trần Đình Sử cho rằng: “Trong văn học nghệ thuật, không gian nghệ thuật chính là hình thức tồn tại chủ quan của hình tượng” [7, tr. 209].

Từ điển thuật ngữ văn học cho rằng: “Không gian nghệ thuật là hình thức bên trong của hình tượng nghệ thuật thể hiện tính chính thể của nó” [3, tr. 160].

Như vậy, không gian nghệ thuật trong tác phẩm văn chương là phạm trù thuộc hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn chương đó. Nó là môi

trường giúp cho hình tượng văn học tồn tại.

3. Khảo sát không gian nghệ thuật trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*

Với cách hiểu không gian nghệ thuật như trên, chúng tôi đã tạm phân chia không gian nghệ thuật trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* thành các dạng thức: Không gian thiên nhiên bao la rộng lớn, không gian tiên cảnh, không gian lịch sử huyền thoại hóa, không gian cung đình và không gian làng quê, đồng thời tiến hành khảo sát để đánh giá sơ bộ cách tổ chức không gian nghệ thuật trong tác phẩm. Khảo sát không gian nghệ thuật của tập thơ (328 bài), chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 1. Thống kê các loại không gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*

Các dạng thức không gian	Không gian thiên nhiên bao la rộng lớn	Không gian tiên cảnh	Không gian lịch sử huyền thoại hóa	Không gian cung đình	Không gian làng quê
Số lượng bài thơ có chứa các dạng thức không gian	89	18	88	48	85
Tỷ lệ phần trăm (%)	27,1	5,5	26,8	14,6	26

Từ bảng thống kê trên, ta thấy *Hồng Đức quốc âm thi tập* vẫn dành vị trí xứng đáng cho không gian vũ trụ (đây là đặc trưng chung của văn học trung đại: không gian vũ trụ luôn chiếm ưu thế). Tuy nhiên, không gian đời thường vẫn được các nhà thơ chú trọng hơn cả. Đây cũng chính là điểm khác biệt của tập thơ ở thời điểm nó ra đời. Nó chứng tỏ bên cạnh cái ưu thế của không gian vũ trụ, không gian đời thường đã được xem xét và đánh giá đúng mức. Hay nói cách khác không gian vũ trụ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong tập thơ, mà không gian đời thường đã được chú trọng hơn hẳn. Điều này không có gì lạ. Xã hội càng đi tới

(*) Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang.

thì ý thức của con người đối với không gian càng biến chuyển và khi con người càng thấy mình (tiểu vũ trụ) và thiên nhiên (đại vũ trụ) càng có khoảng cách thì mối dây liên hệ giữa “đại vũ trụ” và “tiểu vũ trụ” thêm lỏng lẻo để rồi sang cuối thế kỷ XIX, không gian này gần như bị đẩy xuống hàng thứ yếu còn không gian làng quê lại được chú trọng hơn. Tiêu biểu là tính chất đời thường trong thơ Nôm Nguyễn Khuyến, với không gian làng cảnh nông thôn Bắc bộ, là không gian thành thị hỗn độn bát nháo trong thơ Trần Tế Xương.

Khảo sát cách tổ chức không gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* ta còn nhận thấy các tác giả thời Hồng Đức rất tinh tế. Dù là thiên nhiên rộng lớn, không gian đời thường hay không gian lịch sử thì chúng đều bộc lộ lòng yêu nước, tinh thần dân tộc sâu đậm, và đặc biệt là sự say sưa của họ trước những bức tranh mỹ lệ, tươi tắn của thiên nhiên đất Việt. Bên cạnh đó, qua không gian tập thơ, ta còn thấy được sự hưng thịnh của quốc gia, lòng trung quân ái quốc của quần thần và tấm lòng “vì thiên hạ những sơ âu” của nhà vua. Tất cả tạo nên đặc sắc riêng của tập thơ lớn nửa sau thế kỉ XV, tập thơ Nôm viết dưới thời Hồng Đức.

4. Đặc điểm của một số không gian tiêu biểu trong tập thơ

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy *Hồng Đức quốc âm thi tập* có các dạng thức không gian như đã nêu trên. Nhưng do dung lượng hạn hẹp của bài báo, chúng tôi xin trình bày đặc điểm của hai dạng thức không gian có tần suất xuất hiện nhiều hơn trong tập thơ là không gian thiên nhiên bao la rộng lớn và không gian làng quê. Thiết nghĩ khảo sát hai loại không gian này cũng thể hiện khá rõ đặc điểm nghệ thuật của tập thơ ở góc độ cấu tứ không gian. Sau đây chúng tôi đi vào khảo sát cụ thể đặc điểm từng loại không gian.

4.1. Không gian thiên nhiên bao la rộng lớn

Như bảng 1 thống kê, chúng tôi thấy có 89/328 bài thơ khắc họa (chiếm 27,1%). Trong tập thơ, ta luôn bắt gặp những bức tranh thiên nhiên rộng lớn với những hình ảnh đậm chất ước lệ: từng, trúc, cúc, mai... Tất cả tạo nên những bức tranh thủy mặc hùng vĩ, tráng lệ. Đó là một cảnh thu với cái hơi thu lan ra tràn ngập cả vũ trụ đất trời:

“Lác đác ngô đồng mấy lá bay,
Tin thu hiu hắt lọt hơi may.

Ngàn kia cách nước so le địch,
Mái nọ bên đường đùng đỉnh chày.
Lau chổng bãi nam ngàn dặm rợp,
Nhạn về ai bắc mấy hàng bay” (*Vịnh cảnh mùa thu bài 10*).

Cảnh được mô tả lúc đầu thu. Cái dấu hiệu chớm thu ấy chính là hình ảnh “ngô đồng mấy lá bay” từ đó cái “Tin thu hiu hắt lọt hơi may” lan vào không gian theo chiều rộng từ “ngàn kia” đến “mái nọ” rồi theo chiều cao từ “lau chổng” đến đàn nhạn trên bầu trời. Bức tranh thu được mô tả cả chiều rộng lẫn chiều cao tạo nên sự hô ứng làm cho cả vũ trụ đậm chất thu.

Trong tập thơ, ta còn bắt gặp sự xuất hiện nhiều lần vàng trăng, ánh trăng, đêm trăng... tất cả cùng tạo nên một không gian đặc biệt cho tập thơ, không gian trăng. Dường như các tác giả đã mượn ánh trăng trên không ấy mà soi vào vạn vật để thu hút cho kỳ hết cảnh bao la của nước non Đại Việt mỹ tú này:

“Khuôn cả treo lên khá hữu tình,
Hoà cao hoà sáng vuôn hoà thanh.
Gương gương vắng vặc soi muôn dặm,
Bóng tỏ lầu lầu suốt mấy canh” (*Nguyệt*).

Có lẽ, phần đóng góp lớn nhất của tập thơ là việc mô tả không gian thiên nhiên Việt Nam với niềm tự hào trước cảnh núi sông hùng vĩ. Đó là Song Ngư sơn, Chích Trạ sơn, Bạch Nha động, Phật Tích sơn tự. Tất cả không chỉ đơn thuần là những cảnh thiên nhiên nữa mà lồng vào đó là cái nhìn đầy tinh thần tự hào của các nhà thơ. Song Ngư sơn được nhìn như bảo vật trấn an cho cõi Nam minh, Chích Trạ sơn là vũ khí trời ban để “Trấn cõi Nam minh tự thưở xưa” và mãi là vũ khí lợi hại “Trời nay dành để An Nam mượn - Vạch chúc bình Ngô mãi mới vừa”.

Như vậy, dù cảnh thiên nhiên được các tác giả miêu tả đầy tính ước lệ song cái tình mà các tác giả thể hiện lại rất thực. Đọc những vần thơ ta như nhìn rõ được sự đắm say của họ trước cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Lòng tự hào dân tộc trước những thắng cảnh vừa hùng vĩ vừa mỹ lệ của tổ quốc trước cảnh u tịch thanh nhàn chốn vân am cổ tự. Đây là nét đặc sắc của tập thơ làm cho bức tranh thiên nhiên không xa lạ mà như gần hơn với những con người đang say sưa ngoạn cảnh.

A. JA. Gurêvich cho rằng: “Không gian con

người trung cổ không trừu tượng mà cũng không thuần nhất, nó khác về chất theo cá thể. Nó không được nhận thức như là hình thức có trước cảm giác, nó cũng tồn tại như là tạo vật khác của thượng đế” [2, tr. 95]. Do vậy, cũng là không gian vũ trụ nhưng mỗi tác giả tương ứng với mỗi thời đại có cái không gian vũ trụ riêng theo quan điểm của họ. Nếu không gian vũ trụ của các tác giả thời Hồng Đức là thiên nhiên rộng lớn với niềm tự hào say đắm trước những bức tranh mỹ lệ hùng tráng, thì không gian vũ trụ của Nguyễn Công Trứ lại là cái không gian kỳ vĩ rộng lớn được đo bằng kích, thước vĩ độ tương quan với chí nam nhi của nhà thơ:

“Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc,

Nợ tang bồng vay trả trả vay.

Chí làm trai nam bắc đông tây,

Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể” (*Chí khí anh hùng*).

Không gian ở đây là không gian bao la gắn với con người vùng vẫy hoạt động phóng túng ngạo nghễ. Hình tượng không gian được đo ở cấp độ vĩ mô, những hình tượng có tính tượng trưng như *trời - đất, dọc ngang - ngang dọc, nam bắc đông tây, bốn bể, mây tuôn sóng vỗ, trận cuồng phong, xé núi lấp sóng*. Các không gian vô cùng tận đó là để bộc lộ cái chí làm trai của nhà thơ, cái khát vọng “phải có danh gì với núi sông” của Nguyễn Công Trứ.

Nguyễn Trãi lại khác hẳn. Con người trải nhiều thăng trầm chìm nổi này luôn có cái nhìn thâm thúy với cuộc đời, với vũ trụ cũng vậy:

“Trời nghi ngút nước mênh mông,

Hai ấy cùng xem một thức cùng.

Hương thảo chìm tắm hải nhục,

Nhà giao giải bóng thềm cung” (*Thủy thiên nhất sắc*).

Không gian ở đây cũng là một không gian mênh mông. Cảnh được con mắt nhà nghệ sĩ nhìn rất độc đáo. Dường như trời nước giao nhau làm cho mảnh trăng “hương thảo” có thể đắm vào tận sâu đáy nước làm cho “nhà giao giải bóng thềm cung”. Một bức tranh chiếu ứng giao hoà tuyệt đẹp. Người đọc như được nhìn thấy hai chiều tương tác, chiều từ trời xuống nước và chiều ngược lại từ đáy nước lên đến trời. Có thể thì mới tạo nên “Hai ấy cùng xem một thức cùng” và làm cho “Trời nghi ngút nước mênh mông”. Nhưng không gian ấy chỉ là không gian ảo là cái hư không mà

thôi: “Hễ có chim bay cùng cá nhảy/ Mới hay kia nước nọ hư không”. Phải chăng ông già Nguyễn Trãi đã thấu hết lẽ đời? Bức tranh vũ trụ trời nước giao hoà ấy có đẹp nhưng đó là cái đẹp không có thực chỉ có cái lẽ chim bay cá nhảy mới là thực và là lẽ tự nhiên vĩnh cửu cũng như con người ông. Cái khí phách “tài lương đồng”, cái phong thái “Hải cỏ đẹp chân đi đứng đỉnh” ấy của con người này sẽ mãi còn. Còn bao nhiêu lợi danh chỉ là hư không không đáng để theo đuổi. Không gian vũ trụ luôn được con người trung đại chú tâm vì đó cũng chính là một phần của họ là mối liên hệ để họ nhận thức thế giới, bộc lộ quan niệm của con người với thế giới.

4.2. Không gian làng quê

Bên cạnh không gian thiên nhiên bao la rộng lớn, không gian làng quê có 85 bài (chiếm 26%). Điều này làm chúng tôi ngạc nhiên vì đây là tập thơ làm chôn cung đình của vua, quan mà không gian làng quê lại chiếm số lượng lớn hơn không gian cung đình (có 48 bài chiếm 14,6%). Sự nhiều hơn về số lượng phần nào nói lên sự am hiểu của các tác giả đối với làng quê Việt. Đi vào nội dung từng bài thơ cụ thể ta càng thấy rõ điều này. Những sản vật làng quê từ cây chuối, cây dứa, củ khoai, rau cải... cho đến những vật dụng gia đình người nông dân như cái bếp, cái ấm đất, cái rế, cái quạt, cái nón, cây gậy... đều được các nhà thơ ngâm vịnh. Dường như họ cầm cái ấm đất lên nhìn ngắm từng chi tiết để rồi thuyết minh lại cho chúng ta:

“Giống này đã lên rộng miệng hay,

Tiệt hoa bạn ngọc dự ngòi bày.

.....

Hợp mặt nhiều người khi chép miệng,

Đẹp lòng nào kẻ chẳng nâng tay” (*Thổ vu*).

Nói về cái đó các tác giả am tường đến thời khắc đặt đó “mưa một trận dây ngòi hoa”, tường tận đến đặt cái đó như thế nào để có được cá vào:

“Sấn vương lưng ngang suối biếc,

Ròng há miệng đớp doanh la” (*Cú*).

Từ đó, ta thấy các tác giả am hiểu sâu sắc thôn quê. Tất cả những phẩm vật như được bày ra và các tác giả trở thành người thuyết minh, giới thiệu các vật dụng đó cho người đọc.

Bên cạnh đó, đọc những bài thơ vịnh vật nơi làng quê này ta còn bắt gặp một lối thơ độc đáo: thơ khẩu khí. Các tác giả nhìn những vật bình thường

đó bằng con mắt nhà nho. Cho nên mỗi con gà, cục đá, con rắn, con muỗi đều trở thành những tấm gương hết lòng phục vụ nhà vua theo cái đạo lớn của người quân tử mà Nho giáo đã dạy: tề gia trị quốc bình thiên hạ. Cái đó trong bài thơ Cú, dưới con mắt các nhà Nho lúc này không chỉ là công cụ kiếm cá mà còn là hình ảnh của bậc trung thần được vua giao cho trọng trách “Quyền này cho đi trần cõi xa”. Con người ấy có tấm lòng trung quân ái quốc chí công vô tư đến mức: “Lòng không lòng lộng người xem thấy/ Đường lợi nhao nhao nước chảy qua”.

Vị quan này chỉ biết hết lòng làm tròn trách nhiệm và đó cũng là cái lý tưởng của nho gia, lòng không có chút gì tư lợi “lòng không lòng lộng” và coi thường danh lợi, phú quý, tước vị. Lợi danh chỉ nhao nhao một thoáng rồi như nước chảy qua chẳng còn ấn tượng gì. Vị quan này chỉ có một điều canh cánh đạo quân thần mà cố lo tròn: “Ôn chúa biết tài hay cất đặt/ Duyên ra cả nước khắp hòa nhà”.

Thơ vịnh cảnh làng quê không phải là điểm

mới lạ. Nét khác biệt của tập thơ là ở chỗ các tác giả đã dùng lối thơ “khẩu khí” khi vịnh cảnh. Điều này làm cho những vật nhỏ bé, linh tinh trở thành những biểu tượng cho những con người, những nhân vật lớn lao, kì vĩ. Sở dĩ có điều này là do các tác giả đã dùng con mắt của nhà nho nhìn vào, làm cho chúng có sự “hóa thân”, mang dáng dấp, tầm vóc mới, vượt hẳn cái dáng dấp, khả năng thực tại của nó đồng thời cũng làm thành điểm nhấn, nét đặc sắc cho tập thơ.

5. Kết luận

Là tập thơ lớn sáng tác bằng ngôn ngữ dân tộc ở nửa sau thế kỷ XV, lại là tập thơ do Hội Tao Đàn với lực lượng sáng tác là vua, quan dưới triều Hồng Đức, *Hồng Đức quốc âm thi tập* đã để lại nhiều giá trị về nội dung và nghệ thuật cho kho tàng văn học dân tộc. Trong các giá trị đó, nghệ thuật tạo dựng không gian nghệ thuật mà tiêu biểu là không gian vũ trụ và không gian đời thường đã tạo nên dấu ấn sâu sắc của tác phẩm đối với độc giả các thế hệ sau./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Phạm Trọng Điềm, Bùi Văn Nguyên (1982), *Hồng Đức quốc âm thi tập*, NXB Văn học.
- [2]. A. JA. Gurêvich (1998), *Các phạm trù văn hoá trung cổ* (Hoàng Ngọc Hiến dịch, tái bản lần thứ nhất), NXB Giáo dục (quyển sách gốc được xuất bản năm 1972).
- [3]. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (2001), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục.
- [4]. Phạm Phi Na (2008), *Không gian và thời gian nghệ thuật trong Hồng Đức quốc âm thi tập*, Luận văn đại học Trường Đại học Cần Thơ.
- [5]. Trần Đình Sử (1993), *Thi pháp học hiện đại*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [6]. Trần Đình Sử (1997), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, NXB Giáo dục.
- [7]. Trần Đình Sử (2001), *Thi pháp thơ Tố Hữu*, NXB Văn hóa thông tin.
- [8]. Trần Đình Sử (2005), *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9]. Lê Trí Viễn (1996), *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội.

ARTISTIC SPACE IN HONG DUC QUOC AM THI TAP

Summar.y

“Hong Duc quoc am thi tap” is a typical poem volume written by Tao Dan Association initiated by the King Le Thanh Tong. In addition to other elements, artistic space is quite unique in this volume. This paper focuses on basic contents: describe and classify the types of space and evaluate the artistic effect of these spatial types in the volume.

Keywords: *Hong Duc quoc am thi tap*, artistic space, cosmic space, village space.

Ngày nhận bài: 06/4/2018; Ngày nhận lại: 24/5/2018; Ngày duyệt đăng: 17/9/2018.